**Phụ lục III**

**ĐỀ XUẤT MỘT SỐ NỘI DUNG, NHIỆM VỤ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẨY MẠNH PHÂN CẤP CHO CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN, CƠ QUAN KHÁC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*(Ban hành kèm theo Đề án số 7831/ĐA-UBND*

*ngày 05/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung, nhiệm vụ phân cấp** | **Đơn vị được phân cấp** |
| **I** | **Ngành lĩnh vực Nội vụ** | |
| 1 | Phân cấp cho các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý tổ chức bộ máy. | Các cơ quan chuyên môn, cơ quan khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh |
| 2 | Phân cấp cho các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý vị trí việc làm. | Các cơ quan chuyên môn, cơ quan khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh |
| 3 | Thẩm quyền biệt phái viên chức về các cơ quan hành chính cấp tỉnh. | Sở Nội vụ |
| 4 | Thẩm quyền điều động công chức ra khỏi phạm vi quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. | Sở Nội vụ |
| **II** | **Ngành lĩnh vực Tư pháp** | |
| **1** | **Lĩnh vực công chứng** |  |
| 1.2 | Thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chuyển nhượng Văn phòng công chứng. | Sở Tư pháp |
| 1.3 | Thu hồi quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng. | Sở Tư pháp |
| 1.4 | Quyết định thành lập Phòng công chứng, quyết định việc giải thể hoặc chuyển đổi Phòng công chứng. | Sở Tư pháp |
| **2** | **Lĩnh vực Thừa phát lại** | |
| 2.1 | Thành lập, chuyển đổi loại hình, hợp nhất, sáp nhập, chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại. | Sở Tư pháp |
| 2.2 | Chấm dứt hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại. | Sở Tư pháp |
| 2.3 | Thu hồi quyết định cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại. | Sở Tư pháp |
| **3** | **Lĩnh vực Giám định tư pháp** | |
| 3.1 | Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp. | Sở Tư pháp |
| 3.2 | Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp cấp tỉnh. | Sở Tư pháp |
| 3.3 | Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp. | Sở Tư pháp |
| 3.4 | Cho phép thành lập văn phòng giám định tư pháp. | Sở Tư pháp |
| **4** | **Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý** | |
| 4.1 | Bổ nhiệm và cấp thẻ trợ giúp pháp lý viên. | Sở Tư pháp |
| 4.2 | Miễn nhiệm và thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý. |  |
| 4.3 | Cấp lại thẻ trợ giúp viên pháp lý. | Sở Tư pháp |
| 4.4 | Thành lập, giải thể, sáp nhập chi nhánh của Trung tâm Trợ giúp pháp lý. | Sở Tư pháp |
| **III** | **Lĩnh vực Y tế** |  |
| 1 | Quản lý về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống. | Sở Y tế |
| **IV** | **Lĩnh vực Ngoại vụ** | |
| 1 | Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ. | Sở Ngoại vụ |
| 2 | Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ. | Sở Ngoại vụ |
| **V** | **Lĩnh vực Xây dựng** | |
| 1 | Thủ tục hành chính liên quan lĩnh vực quy hoạch: Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết; thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh. | Sở Xây dựng |
| 2 | Thủ tục hành chính liên quan lĩnh vực hoạt động xây dựng: thẩm định, điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng; thẩm định, điều chỉnh thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở; cấp, điều chỉnh, gia hạn giấy phép xây dựng. | Sở Xây dựng |
| 3 | Thủ tục hành chính liên quan lĩnh vực quản lý chất lượng công trình: Quản lý chất lượng công trình xây dựng; kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương. | Sở Xây dựng; Ban Quản lý Khu công nghiệp; Ban Quản lý Khu công nghệ cao |
| **VI** | **Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường** | |
| 1 | Các thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước. | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 2 | Các thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản. | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 3 | Các thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường. | Sở Tài nguyên và Môi trường; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh |
| 4 | Các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai. | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 5 | Thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, tước quyền sử dụng, thu hồi giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh Đồng Nai. | Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh |
| **VII** | **Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn** | |
| 1 | Thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chứng nhận đầu tư do Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh cấp. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 2 | Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh đối với công trình lâm sinh thuộc thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 3 | Quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| **VIII** | **Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ** | |
| 1 | Thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ; sở hữu trí tuệ, năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân. | Sở Khoa học và công nghệ |
| 2 | Phân cấp một số nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, bao gồm: Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; quản lý công nghệ; hoạt động sở hữu trí tuệ, hoạt động về ứng dụng, bảo đảm an toàn bức xạ và hạt nhân. | Sở Khoa học và công nghệ |
| **IX** | **Lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội** | |
| 1 | Cấp, gia hạn, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động và ban hành thông báo đồng ý việc rút tiền ký quỹ hoạt động, quyết định trích tiền ký quỹ hoạt động cho thuê lại lao động các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |